

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-6-2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Chính.

2. Ông Vũ Ngọc Tiên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly – Là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lương Văn Nh, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 3/71/25 đường T, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1997 bà Lê Thị Ph và ông Lương Văn Nh tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Quá trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2015 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ph khởi kiện ly hôn với ông Nh.

Về con chung: Bà Ph và ông Nh có 01 người con chung là Lương Thị Thanh Ph, sinh ngày 10/11/1997 (đã thành niên).

Về tài sản chung: Bà Ph khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Ph khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 5, khoản 11 Điều 70 và khoản 2 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Ph có đơn khởi kiện ly hôn với ông Lương Văn Nh, đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lương Văn Nh cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lương Văn Nh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng ông Nh không cung cấp chứng cứ, không đến Tòa án làm bản khai để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Mặt khác ông Nh vắng mặt tại phiên hòa giải, bà Ph đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn ông Lương Văn Nh vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do và nguyên đơn bà Lê Thị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyền số 16 ngày 05/10/1997 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Ph và ông Nh là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Ph trình bày, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Bà Ph và ông Nh thường xảy ra cãi nhau không thể hòa hợp được. Mặc dù, bà đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng vẫn rất gay gắt. Bị đơn ông Lương Văn Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Toà, không cung cấp lời khai, tham gia hòa giải, qua đó cho thấy ông Nh cũng không thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Ph và ông Nh đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có tiếp tục duy trì thì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do vậy, yêu cầu ly hôn của bà Ph là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ph được ly hôn với ông Nh.

[2.2] Về con chung: Đã thành niên.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Ph khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này nếu các đương sự có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về nợ chung: Bà Ph khai không có.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Ph là nguyên đơn khởi kiện ly hôn, nên phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ph được ly hôn với ông Lương Văn Nh.

- Về con chung: Bà Lê Thị Ph và ông Lương Văn Nh có 01 người con chung là Lương Thị Thanh Ph, sinh ngày 10/11/1997 (đã thành niên).

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Ph khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thị Ph khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Lê Thị Ph chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0050222 ngày 28/4/202 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ph đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND xã Thạnh Đức,
huyện Bến Lức, Long An
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Hương